

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN

HÓA CHẤT

Tên sản phẩm: Dung dịch làm sạch lốp và vành Kuiper

PHẦN I: THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

Tên sản phẩm:	Dung dịch làm sạch lốp và vành Kuiper
Công ty:	Công ty cổ phần công nghệ nano ứng dụng (ANTECH., Jsc)
Địa chỉ:	Số 11, Khu C, Khu tập thể Hóa học, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Đường dây nóng:	+84 966 189368
Điện thoại:	+84 4 39182888
Fax:	

Dung dịch làm sạch lốp và vành Kuiper là sản phẩm lý tưởng để làm sạch vành và lốp xe ô tô của bạn một cách dễ dàng, nhanh chóng và an toàn, bảo vệ chúng không bị lão hóa. Với bọt hoạt tính hiệu quả, chất tẩy rửa bánh xe và lốp xe dễ dàng và nhanh chóng loại bỏ tất cả các loại bụi bẩn mà không cần sử dụng bọt biển hoặc gắng tay. Việc làm sạch sâu được đảm bảo bởi chất tẩy rửa bánh xe và lốp sẽ khôi phục độ sáng bóng cho vành và màu sắc ban đầu của lốp xe.

PHẦN II: XÁC ĐỊNH NGUY HIỂM

Thể tích: 500 ml

2.1 Phân loại chất hoặc hợp chất

· Các thành phần xác định mối nguy:

Sodium silicate

Fatty alcohol ethoxylate 8

Ethylenediamine tetraacetic acid disodium salt

2.2 Cảnh báo nguy cơ

Có hại nếu nuốt phải.

Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại.

· Các tuyên bố đề phòng

Nếu cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn chai đựng hoặc nhãn sản phẩm.

Tránh xa tầm tay trẻ em.

Đọc nhãn trước khi sử dụng.

Không hít phải bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Mang găng tay bảo hộ / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.

NẾU NUỐT PHẢI: Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

Súc miệng.

NẾU bị phơi nhiễm hoặc lo ngại: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế.

Vứt bỏ chai lọ / vật chứa theo quy định của địa phương / khu vực / quốc gia / quốc tế.

PHẦN III: THÔNG TIN THÀNH PHẦN

Hóa chất	CAS #	Wt. %
Nước khử ion	7732-18-5	10 - 50%
Natri silicat	6834-92-0	1 – 15%
Isopropyl alcohol	67-63-0	5 – 20 %
Natri Laureth Sunfat	9004 – 82 - 4	5 - 15%

PHẦN IV: BIỆN PHÁP SƠ CỨU

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu

· Thông tin chung:

Các triệu chứng ngộ độc thậm chí có thể xảy ra sau vài giờ; do đó cần theo dõi y tế ít nhất 24 giờ sau khi tai nạn xảy ra.

· Sau khi hít phải: Cung cấp không khí trong lành; tham khảo ý kiến bác sĩ trong trường hợp khiếu nại.

- Sau khi tiếp xúc với da: Rửa ngay bằng nước.
- Sau khi tiếp xúc với mắt: Rửa mắt trong vài phút dưới vòi nước.
- Sau khi nuốt phải: Gọi cho bác sĩ ngay lập tức.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả cấp tính và biểu hiện chậm

Không có thêm thông tin liên quan có sẵn.

4.3 Chỉ định bất kỳ sự chăm sóc y tế tức thời nào và điều trị đặc biệt cần thiết

Không có thêm thông tin liên quan nào có sẵn

PHẦN V: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 Phương tiện chữa cháy

- Chất chữa cháy thích hợp:

CO₂, bột hoặc nước phun. Chống các đám cháy lớn hơn bằng cách phun nước.

Sử dụng các phương pháp chữa cháy phù hợp với điều kiện xung quanh.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt phát sinh từ hóa chất hoặc hỗn hợp

Không xác định

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

- Thiết bị bảo hộ: Mang thiết bị bảo vệ đường hô hấp khép kín.

PHẦN VI – CÁC BIỆN PHÁP GIẢM NHE TAI NẠN

6.1 Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp

Giữ mọi người ở khoảng cách xa và đứng về phía có gió.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Pha loãng với nhiều nước.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Vứt bỏ vật liệu bị ô nhiễm thành chất thải theo mục 13.

Đảm bảo thông gió đầy đủ.

6.4 Tham khảo các phần khác

Xem Phần 7 để biết thông tin về cách xử lý an toàn.

Xem Phần 8 để biết thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân.

Xem Phần 13 để biết thông tin về việc thải bỏ.

PHẦN VII: XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

Đảm bảo thông gió / thoát khí tốt tại nơi làm việc.

Ngăn ngừa sự hình thành của khí.

- Thông tin về phòng chống cháy nổ: Không yêu cầu các biện pháp đặc biệt.

7.2 Các điều kiện để bảo quản an toàn, bao gồm mọi điều kiện

- Các yêu cầu đối với nhà kho và kho chứa: Không có yêu cầu đặc biệt.
- Thông tin về lưu trữ trong một cơ sở lưu trữ chung: Không bắt buộc.
- Thông tin thêm về điều kiện bảo quản: Cần phải bảo quản trong phòng thu gom.

PHẦN VIII: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Kiểm soát tiếp xúc

- Thiết bị bảo vệ cá nhân:
- Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh chung:

Tránh xa thực phẩm, đồ uống và thức ăn chăn nuôi.

Rửa tay trước khi giải lao và khi kết thúc công việc.

- Bảo vệ đường hô hấp:

Trong trường hợp tiếp xúc ngắn hoặc mức độ ô nhiễm thấp, hãy sử dụng thiết bị lọc đường hô hấp. Trong trường hợp tiếp xúc nhiều hoặc lâu hơn, hãy sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp khép kín.

- Bảo vệ bàn tay:

Vật liệu làm găng tay phải không thấm nước và chịu được sản phẩm / chất / chế phẩm.

- Chất liệu của găng tay

Việc lựa chọn găng tay phù hợp không chỉ phụ thuộc vào chất liệu mà còn phụ thuộc vào chất lượng và khác nhau giữa các nhà sản xuất.

- Bảo vệ mắt: Nên dùng kính bảo hộ

PHẦN IX: TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

- Thông tin chung

Trạng thái: Trong suốt

- Hình thức: Chất lỏng
- Màu sắc: Hồng
- Mùi: Đặc trưng
- Ngưỡng mùi: Không xác định.
- Giá trị pH: 11-13
- Tính dễ cháy (rắn, khí): không cháy
- Đặc tính nổ: Sản phẩm không dễ nổ.
- Tỷ trọng tương đối: 1,0-1,1 g/cm³
- Khả năng hòa tan trong / Khả năng hòa trộn với nước: Hoàn toàn có thể hòa trộn.

PHẦN X: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

10.1 Khả năng phản ứng: Không có thông tin liên quan.

10.2 Tính ổn định hóa học

· Phân hủy do nhiệt / các điều kiện cần tránh: Không bị phân hủy nếu được sử dụng theo thông số kỹ thuật.

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có phản ứng.

10.4 Các điều kiện cần tránh: Không có thông tin liên quan.

10.5 Vật liệu không tương thích: Không có thông tin liên quan.

10.6 Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Không.

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1 Thông tin về tác dụng độc học

Độc tính cấp tính

Có hại nếu nuốt phải.

Các tác động chậm trễ và tức thì cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

Kích ứng-Không có thông tin

Nhạy cảm- Không có thông tin

Hiệu ứng gây đột biến -Không có thông tin

Tác dụng sinh sản- Không có thông tin

Hiệu ứng phát triển- Không có thông tin.

Gây quái thai- Không có thông tin.

Nguy cơ hít thở- Không có thông tin

Các triệu chứng / hiệu ứng, cả cấp tính và chậm trễ -Không có thông tin

Thông tin về chất gây rối loạn nội tiết -Không có thông tin

Các tác dụng ngoại ý khác- Các đặc tính độc học chưa được nghiên cứu đầy đủ.

PHẦN XII: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

12.1 Độc tính

· Độc tính đối với thủy sinh: Không có thông tin liên quan.

12.2 Tính bền và khả năng phân hủy: Không có thông tin liên quan.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Không để sản phẩm chưa pha loãng hoặc một lượng lớn tiếp xúc với nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải

PHẦN XIII: CHÚ Ý CHẤT THẢI

Thải bỏ sản phẩm: Vứt bỏ sản phẩm theo quy định của địa phương.

PHẦN IVX: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

ADR: Hàng hóa Không nguy hiểm

IATA: Hàng hóa Không nguy hiểm

IMDG: Hàng hóa Không nguy hiểm

PHẦN XV: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Không có dữ liệu

PHẦN XVI: THÔNG TIN KHÁC

Thông tin trong tài liệu này áp dụng cho vật liệu cụ thể này như được cung cấp. Nó có thể không hợp lệ cho sản phẩm này nếu nó được sử dụng kết hợp với bất kỳ sản phẩm nào khác. Người dùng có trách nhiệm tự tìm hiểu về tính phù hợp và đầy đủ của thông tin này đối với mục đích sử dụng cụ thể của người dùng.

Phiên bản số: 1

Ngày: 15/5/2022

Biên soạn bởi: ANTECH, Jsc.